TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày 17 tháng 01 năm 2018
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Ông Nguyễn Duy Mạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1964 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, khu phố PT, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:*
1. Bà **Nguyễn Thị Hồng M**, sinh năm 1981 (vắng mặt)
2. Ông **Điểu D**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 9, ấp TS, xã TA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Vũ Thị Hồng X**, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, khu phố PT, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2017, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 26/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thành L trình bày:

Ngày 20/02/2017, bà Nguyễn Thị Hồng M vay của ông Nguyễn Thành L 100.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và bà M cam đoan sau khi đáo hạn ngân hàng sẽ trả lại. Ngày 05/5/2017, ông L yêu cầu bà M trả số tiền vay của ông L trong thời hạn 10 ngày nhưng bà M không trả nên ông L khởi kiện yêu cầu bà M cùng chồng là ông Điểu D trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng đã vay cùng tiền lãi theo lãi suất 20%/năm.

Tại Bản tự khai ngày 04/8/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị Hồng M trình bày:

Khoảng tháng 02/2017, ông Nguyễn Thành L điện thoại hỏi bà M có cần vay tiền Ngân hàng không thì bà M nói đã vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện huyện Hớn Quản - Phòng Giao dịch Tân Khai 100.000.000 đồng và cần vay thêm 100.000.000 đồng để trả tiền cám heo. Ông L nhận lời vay giùm nên bà M đưa bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của vợ chồng bà M cho ông L để thẩm định nếu vay được 200.000.000 đồng thì ông L đưa 100.000.000 đồng đưa cho bà M trả nợ Ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để chuyển sang thế chấp chỗ ông K, hai bên thống nhất lãi đối với số tiền đáo hạn ngân hàng là 3%/ngày, đồng thời nếu vay được 200.000.000 đồng thì bà M phải trả công ông L 8.000.000 đồng. Hôm sau, ông L điện thoại kêu bà M đến quán cà phê lấy tiền 100.000.000 đồng để về trả tiền ngân hàng thì bà M đến lấy và viết giấy vay tiền trên giấy tập học sinh cho ông L, nhưng ngày hôm sau, ông L mang giấy vay tiền được đánh máy sẵn yêu cầu bà M ký lại, bà M ký và lấy lại tờ giấy viết tay để vứt bỏ. Khoảng 1 tháng sau, ông L không lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà M điện thoại cho ông L thì ông L nói Ngân hàng không cho vay nữa, để ông vay ngân hàng khác rồi nhận lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M. Khoảng 10 ngày sau, bà M không thấy ông L nói gì về việc vay tiền nên bà M vào nhà ông L để hỏi nhưng không gặp. Hai ngày sau, bà M gặp ông L lấy lại hồ sơ vay vốn để tự vay tiền. Khoảng 1 tuần sau, ông L vào nhà bà M đòi tiền thì bà M chỉ đồng ý trả cho ông L 100.000.000 đồng tiền gốc mà không trả tiền lãi, ông L đồng ý nên ngày hôm sau bà M trả 100.000.000 đồng cho ông L tại nhà bà M, ông L trả lại tờ giấy vay tiền đánh máy và bà M đã xé bỏ. Vì vậy, bà M hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu của ông L vì bà đã trả hết nợ cho ông L.

Tại Bản tự khai ngày 22/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Điểu D trình bày:

Ông D là chồng của bà M, ông D không hề biết ông L, bà X. Việc bà M vay tiền của ông L, bà X thì ông D không hề biết và cũng không đứng ra vay, cho đến khi Tòa án thông báo thì ông D mới biết. Vì vậy, ông D không đồng ý với yêu cầu buộc ông và bà M phải trả 100.000.000 đồng của ông L, bà X.

Tại Bản tự khai ngày 19/7/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị Hồng X trình bày:

Bà X thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Thành L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Nguyễn Thành L giữ nguyên yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Hồng M và Điểu D phải trả 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất 9.5%/năm từ ngày 30/3/2017 cho đến ngày xét xử vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân các đương sự tuân thủ đúng nhưng bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng M, Điểu D trả 100.000.000 đồng cùng tiền lãi từ ngày 30/3/2017 theo lãi suất ngân hàng. Bà M cho rằng sau khi vay tiền đã ký lại giấy vay tiền đánh máy cho ông L và lấy lại giấy vay tiền viết tay để vứt bỏ, ông L nhặt giấy vay tiền viết tay để khởi kiện bà là không có căn cứ chấp nhận vì về nguyên tắc khi vay tiền có viết giấy thì khi trả tiền phải viết giấy trả tiền hoặc nhận lại giấy vay tiền để hủy bỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L, buộc bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Điểu D trả cho ông L 100.000.000 đồng tiền đã vay và tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Ông Nguyễn Thành L khởi kiện ông Điểu D và bà Nguyễn Thị Hồng M có nơi cư trú tại tổ 9, ấp TS, xã TA, huyện HQ tỉnh Bình Phước về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù, ông Điểu D và bà Nguyễn Thị Hồng M vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1]. Đối với hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Hồng M. Ông L và bà M đều thống nhất ngày 20/02/2017, ông L cho bà M vay 100.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, khi đưa tiền thì bà M viết giấy tay. Tuy nhiên, ông L cho rằng sau khi vay tiền thì bà M không trả nên ông khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền gốc và lãi, chứng cứ ông L đưa ra để chứng minh cho yêu cầu của mình là giấy vay tiền do bà M viết. Ngược lại, bà M xác định ông L cho vay tiền nóng để đáo hạn ngân hàng, lúc đưa tiền cho bà M thì ông L yêu cầu bà M viết giấy tay và hôm sau ông L đưa giấy vay tiền đánh máy cho bà M ký thay cho tờ giấy vay tiền viết tay, bà M đã vứt bỏ tờ giấy viết tay khi ký lại giấy vay tiền đánh máy. Sau khi nhờ người quen của ông L vay tiền giúp không được nên bà M tự vay lại để trả tiền cho ông L. Khi trả tiền thì bà M lấy lại tờ giấy vay tiền đánh máy và xé bỏ.

Bà M xác định chứng cứ ông L dùng để khởi kiện bà là giấy nhận nợ viết tay mà bà M vứt bỏ tại quán cà phê, sự việc đổi giấy vay tiền có người làm chứng nhưng bà M không cung cấp được họ tên, năm sinh, địa chỉ của người làm chứng cũng như tài liệu, chứng cứ khác chứng minh cho phần trình bày của mình là đúng. Bà M là người thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình, bà phải biết rằng khi ký vào giấy vay tiền thì bà phải có trách nhiệm trả nợ, khi vay tiền có lập văn bản thì khi trả tiền phải lập văn bản hoặc phải lấy lại giấy vay tiền và khi ông L yêu cầu ký lại giấy vay tiền đánh máy thì bà phải lấy lại giấy viết tay để hủy bỏ chứ không thể vứt ở nơi công cộng để người khác nhặt được dùng làm chứng cứ chống lại mình. Bà M cho rằng bà đã trả tiền cho ông L nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, đồng thời Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà M đã vay 100.000.000 đồng vào ngày 20/02/2017 của ông Nguyễn Thành L và chưa trả. Vì vậy, yêu cầu buộc bà M phải trả số 100.000.000 đồng đã vay được chấp nhận.

[2]. Đối với yêu cầu buộc ông Điểu D và bà Nguyễn Thị Hồng M cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay 100.000.000 đồng của ông Nguyễn Thành L. Bà M vay tiền đáo hạn ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hớn Quản - Phòng Giao dịch Tân Khai. Theo kết quả xác minh tại Ngân hàng thì người vay tiền là ông Điểu D, đến ngày 30/3/2017 chính ông D tiếp tục đứng tên vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hớn Quản - Phòng Giao dịch Tân Khai 200.000.000 đồng để mua thêm heo, trồng và chăm sóc cây tiêu, cho thấy việc vay tiền bà M vay tiền đáo hạn là nhằm mục đích trả nợ chung của vợ chồng và phát triển kinh tế gia đình nên ông D cũng phải có trách nhiệm cùng trả với bà M theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu buộc ông D và bà M cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ông L là có cơ sở, được chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu tính lãi của ông Nguyễn Thành L: Ông L xác định khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng bà M xác định lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, cho thấy các bên có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là không quá 10%/năm. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành L yêu cầu bà M, ông D trả lãi theo lãi suất 9,5%/năm tương đương 0.79%/tháng từ ngày 30/3/2017 cho đến ngày xét xử, mức lãi suất ông L yêu cầu thấp hơn mức lãi suất được áp dụng là sự tự nguyện thiện chí của ông L nên được chấp nhận. Ông L xác định khi vay không thỏa thuận lãi suất và bà M có nghĩa vụ trả tiền khi vay được tiền nên lãi suất chỉ được tính từ ngày đến hạn trả nợ mà bà M không trả và theo kết quả xác minh thì ngày 30/6/2017 bà M đã vay lại tiền nên yêu cầu tính lãi kể từ ngày 30/3/2017 cho đến ngày xét xử là 09 tháng 17 ngày của ông L có cơ sở, được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông D, bà M trả cho ông L số tiền lãi là 7.558.000 đồng (09 tháng 17 ngày x 100.000.000 đồng x 9.5%/năm).

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Thành L được chấp nhận nên bà M và ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 91, 92, 147, 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của ông Nguyễn Thành L, tuyên xử:

[1]. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Điểu D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành L 100.000.000 đồng tiền gốc và 7.558.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 107.558.000 (một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Điểu D phải chịu 5.377.900 (năm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm) đồng án phí dân sự có giá ngạch. Ông Nguyễn Thành L không phải chịu án phí được trả lại số tiền 2.623.750 (hai triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012238 ngày 19/7/2017.

[3]. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Thành L, bà Vũ Thị Hồng X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Điểu D và bà Nguyễn Thị Hồng M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Nhum